

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 1188TC/QĐ/TCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 1995

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Về việc sửa đổi tên và
thuế suất của một số nhóm mặt hàng trong biểu thuế nhập khẩu*

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Điều 8 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được Quốc hội thông qua ngày 26/12/1991;

Căn cứ các khung thuế suất quy định tại các Biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Nghị quyết số 537a ngày 22/2/1992 của Hội đồng Nhà nước, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 31/UBTVQH9 ngày 9/3/1993, Nghị quyết số 174 NQ/UBTVQH9 ngày 26/3/1994, Nghị quyết số 290 NQ/UBTVQH9 ngày 7/9/1995 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 9;

Căn cứ thẩm quyền quy định tại Điều 3 - Quyết định số 280/TTg ngày 28/5/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu kèm theo Nghị định số 54/CP;

Sau khi đã thống nhất với các Bộ, các Ngành có liên quan;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1:

Sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất thuế nhập khẩu của một số nhóm, mặt hàng ghi tại Quyết định số 280/TTg ngày 28/5/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ; và Danh mục sửa đổi, bổ sung Biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo các Quyết định số 1138 TC/TCT ngày 17/11/1994, Quyết định số 63 TC/TCT/QĐ ngày 24/01/1995; Quyết định số 615A TC/TCT/QĐ ngày 10/6/1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành tên và thuế suất

mới ghi tại Danh mục sửa đổi, bổ sung Biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2:

Sắp xếp lại mã số cho các mặt hàng: xích; sữa tươi đã đóng hộp; đóng thùng; nước cốt chiết xuất từ cây, từ vỏ quả, từ hạt để làm đồ uống có mùi; chè sâm; ôn áp; shortening theo đúng cách phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu của Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu Việt Nam.

Điều 3:

Các mặt hàng: hạt, quả, mầm, cây để làm giống đều được xếp mã số 120900 "Hạt quả, mầm dùng để gieo trồng" để tính thuế nhập khẩu.

Điều 4:

Quyết định này có hiệu lực thi hành và được áp dụng cho tất cả các tờ khai hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan từ ngày 20 tháng 12 năm 1995 trở đi./.

DANH MỤC
SỬA ĐỔI BỔ SUNG BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU
(Kèm theo Quyết định số 1188 TC/QĐ/TCT
ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mã số	Tên nhóm, mặt hàng	Thuế suất (%)
1	2	3
040100	- Sữa và kem chưa cô đặc, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	
04010010	-- Sữa tươi các loại chưa chế biến, chưa đóng hộp, chưa đóng thùng	10

04010090	-- Loại khác	7
040400	- Váng sữa đã hoặc chưa cô đặc, thêm đường hoặc chất ngọt khác; các sản phẩm có chứa thành phần sữa tự nhiên đã hoặc chưa thêm đường hoặc chất ngọt khác, không được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	
04040010	-- Sữa tươi các loại đã chế biến, đã đóng hộp, đã đóng thùng	20
04040090	-- Loại khác	20
130100	- Cánh kiến đỏ; gôm tự nhiên, nhựa cây dạng gôm, nhựa thơm	5
1302	Cao và nhựa thực vật, chất pectic, pectin, pectat; thạch trắng, các chất nhầy, chất đậm đặc đã hoặc chưa pha chế lấy từ các sản phẩm thực vật	
	- Chất nhựa, cao từ thực vật:	
130211	-- Từ thuốc phiện	5
130212	-- Từ cam thảo	5
130213	-- Từ hoa bia	5
130214	-- Từ cây kim cúc hoặc rễ loại cây có chứa chất rotenone	5
130219	-- Từ các loại cây khác	5
130220	- Chất axit pectic, pectin, pectat	5
	- Chất nhầy, chất đậm đặc chưa hoặc đã pha chế, lấy	

	từ sản phẩm thực vật:	
130231	-- Thạch trắng	5
130232	-- Chất nhầy và chất đậm đặc đã hoặc chưa pha chế lấy từ hạt bồ kết, hay hạt guar	5
130239	-- Loại khác	5
150700	- Dầu đậu tương và các thành phần của dầu đậu tương, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hoá học	
15070010	-- Loại đã qua tinh chế	30
15070090	-- Loại khác, chưa qua tinh chế	5
150800	- Dầu lạc và các thành phần của dầu lạc, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hoá học	
15080010	- Loại đã qua tinh chế	30
15080090	- Loại khác, chưa qua tinh chế	5
150900	- Dầu ô liu và các thành phần của dầu ôliu đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hoá học	
15090010	- Loại đã qua tinh chế	30
15090090	- Loại khác, chưa qua tinh chế	5
151000	- Dầu khác và các thành phần của chúng chiết trong dung môi từ các loại ô liu và bã ô liu, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi thành phần hoá học,	

	kể cả các chất hỗn hợp của các loại dầu này, hoặc thành phần của chúng với các loại dầu hoặc các thành phần của chúng thuộc nhóm 1509	
15100010	-- Loại đã qua tinh chế	30
15100090	-- Loại khác, chưa qua tinh chế	5
151100	- Dầu cọ và các thành phần của dầu cọ đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hoá học	
	- Loại đã qua tinh chế:	
15110011	-- Dạng lỏng (Palm plain, Palm oil)	30
15110012	-- Dạng đông đặc để làm nguyên liệu hoặc sản xuất shortening (Palm Stearin)	10
15110090	-- Loại khác, chưa qua tinh chế	5
151200	- Dầu hạt hướng dương, dầu cây rum, dầu hạt bông và các thành phần của chúng, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hoá học	
15120010	-- Loại đã qua tinh chế	30
15120090	-- Loại khác, chưa qua tinh chế	5
151300	- Dầu dừa, dầu hạt cọ, dầu babusu đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hoá học	
15130010	-- Loại đã qua tinh chế	30
15130090	-- Loại khác, chưa qua tinh chế	5
151400	- Dầu hạt cải, dầu hạt mù tạt, đã hoặc chưa tinh chế,	